

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10-AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14-8-2025

V/v “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10-AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Linh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Nhựt Thảo;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10-An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10-An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 94/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2025 về việc: “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị H, sinh năm 1980 (có đơn xin vắng mặt);

Số CCCD: 089180007651 cấp ngày 16/10/2022

Cư trú: ấp Thạnh Hòa, xã Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Nay là ấp Thạnh Hòa, xã Bình Hòa, tỉnh An Giang.

ĐCLL: nhà trọ T, đường B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0589.655.922

Nay là: nhà trọ T, đường B, phường T, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Anh Dương Văn D, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Số CCCD: 089180007651 cấp ngày 29/11/2022

Cư trú: ấp Thạnh Hòa, xã Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Nay là ấp Thạnh Hòa, xã Bình Hòa, tỉnh An Giang.

ĐCLL: nhà trọ T, đường B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.
Điện thoại: 0393.377.309

Nay là: nhà trọ T, đường B, phường T, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Thông qua người mai mối nên chị và anh Dương Văn D quyết định tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, An Giang (cũ) vào ngày 03/10/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi nên gia đình không còn êm ấm. Chị và anh D đã ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, anh D không sửa đổi để hàn gắn vợ chồng. Nay tình cảm không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Văn D.

- Về con chung: Anh chị có 04 con chung tên: Dương Văn Q, sinh ngày 06/4/2002; Dương Thị Thúy A, sinh ngày 30/6/2004; Dương Văn N, sinh ngày 03/01/2009 và Dương Thị H1, sinh ngày 11/11/2016. Hiện hai cháu Dương Văn Q và Dương Thị Thúy A đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Dương Văn N và Dương Thị H1, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận đi làm ăn xa, điều kiện đi lại khó khăn nên chị yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và xin vắng mặt suốt quá trình tố tụng tại Tòa.

** Đối với bị đơn anh Dương Văn D:* Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh D đều vắng mặt không lý do và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị H: Có đơn xin vắng mặt;
- Bị đơn anh D: Vắng mặt không có lý do.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân **khuvực 10-An Giang** phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Dương Văn D; về con chung: giao cháu Dương Thị H1 và Dương Văn N cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị H không yêu cầu. Về tài

sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về án phí sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Võ Thị H và anh Dương Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 03 tháng 10 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân B (nay là xã B) nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nên chị H yêu cầu ly hôn với anh D. Anh D đăng ký thường trú tại xã B, tỉnh An Giang. Căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân [dân khu vực 10- An Giang](#).

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị H có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Dương Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Võ Thị H xác nhận cuộc sống hôn nhân thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 16 năm, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không phù hợp nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh D.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân là nhằm xây dựng một gia đình thật sự hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tin tưởng, tôn trọng, chăm sóc và quan tâm lẫn nhau nhưng quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh D đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng đến gia đình nhằm tạo điều kiện hòa giải đoàn tụ và hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa hai người, nhưng bị đơn anh D đều không đến. Tòa án tiến hành lấy lời khai của anh D theo quy định, nhưng không lấy được lời khai do anh D không có mặt tại nhà. Quá trình giải quyết vụ án, anh D không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng mà phía nguyên đơn chị H đã trình bày, cũng như không có văn bản thể hiện ý kiến hay có nguyện vọng là muốn duy trì quan hệ hôn nhân với chị H.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh D đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa hai người không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị H là được ly hôn với anh Dương Văn D.

[3] Về quan hệ con cái, cấp dưỡng: Chị H thừa nhận giữa chị và anh D có 04 con chung tên Dương Văn Q, sinh ngày 06/4/2002; Dương Thị Thúy A, sinh ngày 30/6/2004; Dương Văn N, sinh ngày 03/01/2009 và Dương Thị H1, sinh ngày 11/11/2016. Mặt khác, giấy khai sinh của cháu cũng đã thể hiện rõ điều này, do đó cần công nhận các cháu nêu trên là con chung của chị H và anh D. Hiện cháu H1 và N đang sống với mẹ. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục

nuôi dưỡng cháu H1 và N đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử nhận thấy, từ khi ly thân, cháu N và H1 đã sống với mẹ. Hơn nữa, tại bản tự khai của các cháu đều thể hiện nguyện vọng là muốn tiếp tục được sống với mẹ, nếu ba mẹ ly hôn. Do đó, để ổn định tâm lý và đảm bảo phát triển cuộc sống của hai cháu, cần chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị H là giao cháu N và H1 cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Hiệu hai cháu Dương Văn Q và Dương Thị Thúy A đã trưởng thành nên đặt ra xem xét.

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, tuy nhiên khi điều kiện kinh tế và điều kiện nuôi con có thay đổi thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng trong một vụ kiện khác.

Anh Dương Văn D có quyền tới lui, thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

[5] Về quan hệ tài sản, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do chị Võ Thị H có yêu cầu ly hôn với anh Dương Văn D nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình 2014;

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, khoản 2 Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Võ Thị H. Cho ly hôn giữa chị Võ Thị H đối với anh Dương Văn D.

2. Về quan hệ con cái, cấp dưỡng: Công nhận các Dương Văn Q, sinh ngày 06/4/2002; Dương Thị Thúy A, sinh ngày 30/6/2004; Dương Văn N, sinh ngày 03/01/2009 và Dương Thị H1, sinh ngày 11/11/2016 là con chung của chị Võ Thị H và anh Dương Văn D;

+ Tiếp tục giao cháu Dương Thị H1 và Dương Văn N cho chị Võ Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành; anh D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu;

+ Hiệu hai cháu Dương Văn Q và Dương Thị Thúy A đã trưởng thành.

+ Chị Võ Thị H cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở anh D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về quan hệ tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Võ Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0008161 ngày 19/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, An Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10 - An Giang), được khấu trừ nên chị H đã nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Võ Thị H và anh Dương Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Kv 10;
- THADS Kv 10;
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn;
- Phòng TT, KT và THA;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Hà Thị Mỹ Linh

